TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** --- Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST Ngày: 10-01-2023. *V/v không công nhận vợ chồng*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** ông Hoàng Hồng Hà và ông Đào Văn Hoàn.

- ***Thư ký phiên toà*:** ông Phạm Hoàng Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên

Ngày 10-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 12-10-2022 về việc: không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22-12-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Huỳnh Hoa T (*tên gọi khác Huỳnh Thị Hoa T*), sinh năm 1969;

Bị đơn: ông Vũ Bá S, sinh năm 1960;

Đều cư trú: thôn G, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(*Bà T có mặt; ông S vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Huỳnh Hoa T trình bầ***y**: bà và ông Vũ Bá S tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 tại phường Yên Đỗ, thị xã Pleiku (nay là thành phố Pleiku), tỉnh Gia Lai; không đăng ký kết hôn. Năm 1992 ông bà chuyển về thôn G, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương sinh sống cho đến nay. Vợ chồng hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi, đánh nhau, sau đó ông bà sống ly thân nhiều năm. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà ly hôn ông S. Ông bà có 02 con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 05-12-1991 và Vũ Bá Đ, sinh ngày 27-9-1999 đều trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa để hướng dẫn viết bản tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trực tiếp cho ông S. Ông S không tự viết bản tự khai và không đồng ý để Tòa án ghi lời khai nhưng đã thể hiện quan điểm tại các biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ: *tôi và cô T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đã có 2 con chung trưởng thành, không có tài sản chung, không có nợ chung nên cô T tự đến thì bây giờ tự đi. Tôi và cô T chưa bao giờ là vợ chồng hợp pháp. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật*.

Biên các bản xác minh ngày 14-10-2022, UBND thị trấn L và Phòng tư pháp huyện Cẩm Giàng xác nhận: sau khi tra sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu trữ từ các năm 1992 đến nay, không có trường hợp nào đăng ký kết hôn có họ tên Huỳnh Hoa T với Vũ Bá S. Nhưng thực tế ông Vũ Bá S và bà Huỳnh Hoa T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tại thôn G, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng và đã có hai con chung. Do cuộc sống có nhiều mâu thuẫn hiện nay ông bà đang sống ly thân.

UBND phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cung cấp: Hồ sơ lưu trữ kết hôn tại địa phương năm 1990, 1991, không có tên bà Huỳnh Hoa T (Huỳnh Thị Hoa T) và ông Vũ Bá S đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn; bà Trang giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông S và quan điểm về các vấn đề khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 của BLTTDS. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9; khoan1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Bá S và bà Huỳnh Hoa T (*tên gọi khác Huỳnh Thị Hoa T*).

- Án phí: bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: bà Huỳnh Hoa T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn ông Vũ Bá S có nơi cư trú thôn G, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Người tham gia tố tụng: ông S là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1]. **Về nội dung:**

Quan hệ tình cảm: bà T và ông S được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991. Tại thời điểm này, bà T, ông S đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nhưng ông bà không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã (phường) nơi ông bà cư trú. Do vậy, đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống bà T và ông S thường xuyên bất đồng quan điểm, hai người không tìm được tiếng nói chung. Việc bà Trang và ông S chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, xử không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Bà T ông S có 2 con chung là Vũ Bá L, sinh ngày 05-12-1991 và Vũ Bá Đ, sinh ngày 27-9-1999 đều đã trưởng thành, HĐXX không phải giải quyết.

Về tài sản chung: bà T và ông S không yêu cầu giải quyết. HĐXX không phải giải quyết;

Về án phí: bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Hoa T (*tên gọi khác Huỳnh Thị Hoa T*) và ông Vũ bá S là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0002350 ngày 12-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Đương sự;
-UBND thị trấn L để biết;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

- L- u hồ sơ vụ án.